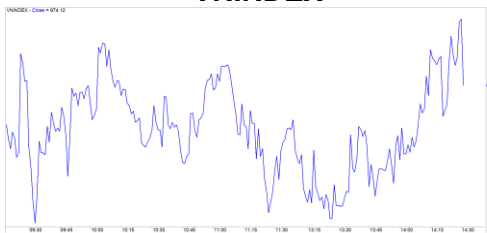


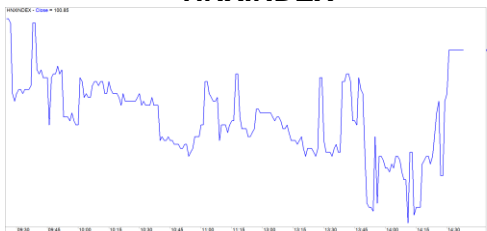
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	974.12	100.85	56.49
% ngày	0.00%	-0.07%	-0.48%
% tuần	-1.01%	-1.44%	-2.32%
% tháng	-0.02%	-1.89%	-3.32%
% năm	0.54%	-9.71%	10.76%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	3,481	320	229
TB 1 tuần	3,666	339	330
TB 1 tháng	3,905	353	444
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	565.60	1.01	31.64
Bán	204.86	9.79	20.73
Giá trị ròng	360.74	-8.78	10.91
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	105	64	174
Mã Giảm	182	67	108
Không Đổi	99	237	616
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	16.43	8.95	18.86
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,297	185	995
LS Cổ tức	1.24%	4.74%	5.02%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục giao dịch cầm chừng trong biên độ hẹp. Thị trường xuất hiện nhịp hồi phục cuối phiên giúp chỉ số VN-Index quay lại trên tham chiếu một chút đóng cửa tại 874.12 điểm. Chỉ số HNX-Index dừng tại 100.85 điểm vẫn còn giảm nhẹ 0.06%, chỉ số Upcom-Index mất 0.48% neo tại 56.49 điểm. Dòng tiền tiếp tục suy yếu ở nhịp giảm với hơn 2,500 tỷ đồng được khớp lệnh trên cả ba sàn.

Giao dịch thị trường duy trì trạng thái cân bằng với VIC(+1.2%), VNM(+1.4%), FPT(+1.7%) đóng vai trò nâng đỡ chỉ số. VJC(+1.8%) tăng giá tích cực sau khi được chính thức thêm vào FTSE Viet Nam ETF trong đợt review Q3.2019 sắp tới. Ở chiều ngược lại, TCB ghi nhận mức giảm mạnh 2.3% là phiên giảm thứ 2 liên tiếp tạm dừng tại 21,700 đồng/cp. Nhóm BĐS Khu Công Nghiệp, Logistic, Cảng biển diễn biến tiêu cực khi TIP, SZL, PHR, D2D, DVP giảm khá mạnh. Ở chiều ngược lại, LDG(+2.1%), PLX(+2.1%), IJC(+3.1%), TCH(+2.7%), GTN(+5.5%) giao dịch tích cực hơn thị trường chung.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng 362 tỷ đồng trên cả ba sàn chủ yếu đến từ giao dịch thỏa thuận của VJC khi được mua ròng 356 tỷ đồng. GEX(16 tỷ), PLX(15.9 tỷ) là những mã được mua ròng tích cực tiếp theo. Ở chiều ngược lại, HPG dẫn đầu danh sách bán ròng với hơn 18.3 tỷ đồng.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ hồi phục nhẹ trong biên độ hẹp với thanh khoản vẫn duy trì ở mức thấp. Thanh khoản cạn kiệt cho thấy dòng tiền vẫn chưa sẵn sàng tham gia trở lại thị trường, điểm tích cực chúng tôi nhận thấy nhóm cổ phiếu VN-Smallcaps có thể sẽ xuất hiện nhịp hồi phục kỹ thuật cho thấy dòng tiền đầu cơ có thể sẽ sớm gia tăng trở lại. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm nhẹ cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là hạ tỷ trọng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 992.15 điểm của chỉ số VN-Index và 103.13 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem xét hạ tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 36% cổ phiếu/64% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	108	110	105	101
Chỉ số VN30	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>TĂNG</b>	835	845	822	804



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.95	GIẢM	GIẢM		16.64				18.10		
ACB	21.90	TĂNG	GIẢM	22.70	21.52	-3.52%			23.85		
ACV	78.20	GIẢM	GIẢM		82.76			90.00	81.77	-9.15%	BÁN
ANV	25.45	TĂNG	GIẢM	25.45	25.36	0.00%	MUA		27.72		
ASM	6.04	GIẢM	GIẢM		6.34				6.91		
BFC	15.10	GIẢM	GIẢM		15.91				17.49		
BID	38.10	TĂNG	TĂNG	32.65	37.25	16.69%		33.40	33.99	14.07%	
BMP	49.50	GIẢM	TĂNG		50.85			48.30	45.44	2.48%	
BSR	9.00	GIẢM	GIẢM		9.77				11.05		
BVH	75.00	GIẢM	GIẢM		78.55				84.78		
BWE	26.10	GIẢM	TĂNG		27.20			20.00	25.45	30.50%	
CEO	10.00	GIẢM	GIẢM		10.36				11.21		
CII	20.50	TĂNG	GIẢM	21.05	20.05	-2.61%			22.68		
CMG	38.00	GIẢM	TĂNG		41.10			23.20	34.96	63.79%	
CMX	31.25	TĂNG	TĂNG	30.30	31.00	3.14%		5.91	26.79	428.76%	
CSM	14.55	GIẢM	TĂNG	15.40	14.64	-4.94%	BÁN	14.39	14.22	1.11%	
CTD	97.10	TĂNG	GIẢM	97.00	90.45	0.10%			110.33		
CTG	19.95	GIẢM	GIẢM		20.61				22.22		
CTI	23.40	GIẢM	GIẢM		24.15				24.64		
CTR	38.30	GIẢM	N/A		47.78			-	N/A		
CVT	20.40	GIẢM	TĂNG		20.94			20.35	18.94	0.25%	
DCM	8.50	TĂNG	GIẢM	8.47	8.24	0.35%		8.54	8.53	-0.09%	MUA
DGC	27.40	GIẢM	GIẢM		28.82			31.90	27.79	-12.89%	BÁN
DGW	23.55	GIẢM	TĂNG		24.26			23.50	21.45	0.21%	
DHA	31.65	GIẢM	GIẢM		34.96			29.10	32.95	13.21%	
DHC	31.95	GIẢM	GIẢM		32.69				35.46		
DHG	92.50	GIẢM	GIẢM		95.71				102.97		
DIG	13.75	GIẢM	TĂNG	13.45	13.83	2.83%	BÁN	13.90	12.65	-1.08%	
DPG	43.70	GIẢM	GIẢM		47.54			40.02	44.62	11.51%	BÁN
DPM	13.35	GIẢM	GIẢM		13.93				15.13		
DPR	38.65	GIẢM	GIẢM		41.00				46.43		
DQC	18.15	GIẢM	GIẢM		19.77				20.27		
DRC	21.60	TĂNG	TĂNG	20.45	21.35	5.62%		21.60	19.76	0.00%	
DXG	15.15	TĂNG	TĂNG	16.15	14.32	-6.19%		15.50	12.29	-2.26%	
EIB	17.00	GIẢM	TĂNG		17.63			14.70	16.88	15.65%	

We Create Fortune

FCN	11.85	GIẢM	GIẢM		12.49			13.62			
FMC	27.05	GIẢM	TĂNG		29.05			31.60	26.18	-14.40%	
FPT	53.80	TĂNG	TĂNG	45.20	51.41	19.03%		46.00	48.73	16.96%	
GAS	100.10	TĂNG	GIẢM	105.20	98.12	-4.85%			109.55		
GEX	21.00	TĂNG	TĂNG	22.20	20.19	-5.41%		20.20	18.55	3.96%	
GIL	21.30	GIẢM	GIẢM		22.64				24.97		
GMD	27.80	TĂNG	TĂNG	26.55	27.45	4.71%		28.50	25.99	-2.46%	
GTN	20.00	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	6.38%		15.00	16.84	33.33%	
GVR	13.50	GIẢM	N/A		15.43				N/A		
HAG	4.79	GIẢM	GIẢM		4.98				5.46		
HAX	19.60	GIẢM	TĂNG		20.58			15.75	17.40	24.44%	
HBC	13.25	GIẢM	GIẢM	14.25	13.27	-6.90%	BÁN		15.60		
HCM	20.90	GIẢM	GIẢM		21.55				23.15		
HDB	25.50	GIẢM	GIẢM		26.31				27.77		
HDC	21.25	GIẢM	TĂNG		22.01			15.25	18.89	39.34%	
HDG	34.30	GIẢM	TĂNG		36.08			35.30	32.61	-2.83%	
HNG	17.15	GIẢM	TĂNG		17.89			17.10	16.59	0.29%	
HPG	21.20	GIẢM	GIẢM		22.63				23.96		
HSG	6.63	GIẢM	GIẢM		6.94				7.74		
HT1	15.50	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70		
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-4.17%			2.83		
HVN	33.35	GIẢM	GIẢM		36.39				41.32		
KBC	15.45	TĂNG	TĂNG	16.00	15.39	-3.44%		15.35	14.37	0.65%	
KDH	23.65	TĂNG	TĂNG	22.90	23.50	3.28%		24.00	22.19	-1.46%	
KSB	22.15	GIẢM	TĂNG		23.70			23.90	21.11	-7.32%	
LCG	9.30	TĂNG	GIẢM	9.60	9.10	-3.12%			10.55		
LDG	10.10	TĂNG	TĂNG	8.18	9.07	23.47%		9.89	9.15	2.12%	MUA
LHG	17.70	GIẢM	TĂNG		18.57			19.30	17.32	-8.29%	
LPB	7.50	GIẢM	GIẢM		7.84				8.33		
LSS	5.20	TĂNG	GIẢM	5.39	5.01	-3.53%			5.80		
MBB	22.60	TĂNG	TĂNG	22.20	22.51	1.80%		21.85	21.21	3.43%	
MPC	28.60	GIẢM	GIẢM		30.41				36.71		
MSN	74.00	GIẢM	GIẢM		77.20				83.22		
MSR	16.80	GIẢM	GIẢM		16.87				19.01		
MWG	116.10	GIẢM	TĂNG		119.29			88.70	108.74	30.89%	
NDN	16.80	GIẢM	TĂNG		17.90			13.70	16.27	22.63%	
NKG	5.97	GIẢM	GIẢM		6.37				6.85		
NLG	28.00	GIẢM	TĂNG		29.07			28.70	26.73	-2.44%	
NT2	25.30	TĂNG	GIẢM	25.10	24.87	0.80%			26.43		

We Create Fortune

NTL	21.95	GIẢM	GIẢM		24.09			10.45	23.02	120.28%	BÁN
NVL	61.30	GIẢM	GIẢM		63.82				62.33		
OIL	10.70	GIẢM	GIẢM		11.97				12.38		
PAC	27.85	TĂNG	GIẢM	28.80	26.81	-3.30%			32.50		
PC1	19.35	TĂNG	TĂNG	17.45	17.87	10.89%			18.38		
PDR	26.30	GIẢM	TĂNG		26.78			29.00	25.01	-9.31%	
PHR	55.00	GIẢM	GIẢM		65.69			24.00	64.76	169.84%	BÁN
PLX	61.90	GIẢM	TĂNG		62.16			62.40	59.59	-0.80%	
PNJ	80.40	GIẢM	TĂNG		84.68			104.00	78.69	-22.69%	
POW	12.60	GIẢM	GIẢM		13.35				14.63		
PVT	17.90	GIẢM	TĂNG		18.14			18.30	16.28	-2.19%	
PPC	25.35	GIẢM	GIẢM		26.44				29.10		
PTB	68.60	GIẢM	TĂNG		71.46			64.00	64.57	7.19%	
PVB	20.60	GIẢM	TĂNG		21.49			20.10	19.27	2.49%	
PVD	17.80	TĂNG	TĂNG	16.35	17.66	8.87%		18.10	15.86	-1.66%	
PVI	33.20	GIẢM	GIẢM		35.88				39.70		
PVS	20.20	TĂNG	GIẢM	21.60	20.11	-6.48%			23.52		
PXS	5.01	GIẢM	GIẢM		5.59				6.76		
QNS	30.50	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-2.24%		33.80	27.77	-9.76%	
REE	35.25	GIẢM	TĂNG		37.18			33.33	33.81	5.78%	
SAB	266.00	GIẢM	TĂNG		275.19			245.00	257.56	8.57%	
SAM	7.80	GIẢM	TĂNG		7.95			7.40	7.69	5.41%	
SCR	6.61	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-4.48%			7.11		
SHI	9.40	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	12.04%		6.99	8.04	34.48%	
SJS	17.30	TĂNG	GIẢM	18.35	17.24	-5.72%		-	19.89		
SKG	11.30	GIẢM	GIẢM		11.65				12.51		
SSI	20.90	GIẢM	GIẢM		22.10				23.89		
STB	10.10	GIẢM	GIẢM	10.70	10.11	-5.53%	BÁN		11.20		
TCB	21.70	TĂNG	GIẢM	20.85	21.49	4.08%			22.22		
TCM	21.40	GIẢM	GIẢM		23.05				27.50		
TDH	9.78	TĂNG	TĂNG	9.40	9.67	4.04%		10.15	8.93	-3.65%	
TLH	4.61	TĂNG	GIẢM	4.75	4.49	-2.95%			5.13		
TNG	17.90	GIẢM	GIẢM		19.02				21.22		
VCB	77.20	TĂNG	TĂNG	80.00	76.30	-3.50%		62.00	73.39	24.52%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-2.22%		19.20	24.08	37.50%	
VCS	84.80	GIẢM	TĂNG		87.71			68.00	78.29	24.71%	
VGC	19.70	TĂNG	GIẢM	19.25	18.30	2.34%			20.53		
VGT	8.70	GIẢM	GIẢM		9.07				9.96		
VHC	80.80	TĂNG	GIẢM	80.80	80.54	0.00%	MUA		88.18		

We Create Fortune

VHM	88.40	TĂNG	TĂNG	87.30	85.77	1.26%		90.20	76.90	-2.00%	
VIB	17.30	GIẢM	TĂNG	17.00	17.30	1.78%	BÁN	17.70	16.40	-2.26%	
VIC	122.60	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-2.78%		112.00	113.76	9.46%	
VIP	5.00	GIẢM	GIẢM		5.17				5.48		
VJC	132.80	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-1.26%		124.50	124.16	6.67%	
VND	13.80	GIẢM	GIẢM		14.07				15.52		
VNG	20.95	TĂNG	TĂNG	19.10	20.34	9.69%		20.20	18.34	3.71%	
VNM	124.50	TĂNG	GIẢM	124.00	119.93	0.40%			130.37		
VPB	20.15	TĂNG	TĂNG	19.10	19.65	5.50%		20.30	18.32	-0.74%	
VPI	41.55	TĂNG	TĂNG	42.20	40.42	-1.54%		41.30	39.27	0.61%	
VRC	15.50	TĂNG	GIẢM	15.30	15.42	1.31%			16.26		
VRE	34.00	GIẢM	TĂNG		35.32			35.00	33.61	-2.86%	
VSC	29.15	TĂNG	GIẢM	28.60	28.01	1.92%			31.41		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	21.90	TĂNG	GIẢM	22.70	21.52	-3.52%			23.85		
BID	38.10	TĂNG	TĂNG	32.65	37.25	16.69%		33.40	33.99	14.07%	
BSR	9.00	GIẢM	GIẢM		9.77				11.05		
BVH	75.00	GIẢM	GIẢM		78.55				84.78		
CTG	19.95	GIẢM	GIẢM		20.61				22.22		
EIB	17.00	GIẢM	TĂNG		17.63			14.70	16.88	15.65%	
FPT	53.80	TĂNG	TĂNG	45.20	51.41	19.03%		41.00	48.73	31.23%	
GAS	100.10	TĂNG	GIẢM	105.20	98.12	-4.85%			109.55		
HDB	25.50	GIẢM	GIẢM		26.31				27.77		
HNG	17.15	GIẢM	TĂNG		17.89			17.10	16.59	0.29%	
HPG	21.20	GIẢM	GIẢM		22.63				23.96		
HVN	33.35	GIẢM	GIẢM		36.39				41.32		
KDH	23.65	TĂNG	TĂNG	22.90	23.50	3.28%		24.00	22.19	-1.46%	
MBB	22.60	TĂNG	TĂNG	22.20	22.51	1.80%		21.27	21.21	6.25%	
MSN	74.00	GIẢM	GIẢM		77.20				83.22		
MWG	116.10	GIẢM	TĂNG		119.29			88.70	108.74	30.89%	
NVL	61.30	GIẢM	GIẢM		63.82				62.33		
OIL	10.70	GIẢM	GIẢM		11.97				12.38		
PLX	61.90	GIẢM	TĂNG		62.16			59.97	59.59	3.22%	
PNJ	80.40	GIẢM	TĂNG		84.68			77.88	78.69	3.23%	

We Create Fortune

POW	12.60	GIẢM	GIẢM		13.35				14.63		
PVS	20.20	TĂNG	GIẢM	21.60	20.11	-6.48%			23.52		
QNS	30.50	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-2.24%		33.80	27.77	-9.76%	
REE	35.25	GIẢM	TĂNG		37.18			33.33	33.81	5.78%	
ROS	27.55	TĂNG	GIẢM	27.50	25.24	0.18%			29.25		
SSI	20.90	GIẢM	GIẢM		22.10				23.89		
STB	10.10	GIẢM	GIẢM	10.70	10.11	-5.53%	BÁN		11.20		
TCB	21.70	TĂNG	GIẢM	20.85	21.49	4.08%			22.22		
TPB	22.15	GIẢM	GIẢM		23.21				N/A		
VCB	77.20	TĂNG	TĂNG	80.00	76.30	-3.50%		62.00	73.39	24.52%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-2.22%		18.44	24.08	43.16%	
VEA	52.00	GIẢM	GIẢM		56.27				N/A		
VGI	30.30	GIẢM	GIẢM		36.13				N/A		
VHM	88.40	TĂNG	TĂNG	87.30	85.77	1.26%		90.20	76.90	-2.00%	
VIB	17.30	GIẢM	TĂNG	17.00	17.30	1.78%	BÁN	17.70	16.40	-2.26%	
VIC	122.60	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-2.78%		112.00	113.76	9.46%	
VJC	132.80	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-1.26%		124.50	124.16	6.67%	
VNM	124.50	TĂNG	GIẢM	124.00	119.93	0.40%			130.37		
VPB	20.15	TĂNG	TĂNG	19.10	19.65	5.50%		20.30	18.32	-0.74%	
VRE	34.00	GIẢM	TĂNG		35.32			34.00	33.61	0.01%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.95	GIẢM	GIẢM		16.64				18.10		
ANV	25.45	TĂNG	GIẢM	25.45	25.36	0.00%	MUA		27.72		
ASM	6.04	GIẢM	GIẢM		6.34				6.91		
BMP	49.50	GIẢM	TĂNG		50.85			48.30	45.44	2.48%	
BWE	26.10	GIẢM	TĂNG		27.20			19.44	25.45	34.26%	
C4G	7.10	GIẢM	GIẢM		8.07				9.43		
CEO	10.00	GIẢM	GIẢM		10.36				11.21		
CII	20.50	TĂNG	GIẢM	21.05	20.05	-2.61%			22.68		
CRE	25.10	TĂNG	GIẢM	25.40	24.63	-1.18%			26.06		
CTI	23.40	GIẢM	GIẢM		24.15				24.64		
CTR	38.30	GIẢM	#N/A		47.78			-	#N/A		
DCM	8.50	TĂNG	GIẢM	8.47	8.24	0.35%		8.54	8.53	-0.09%	MUA
DHC	31.95	GIẢM	GIẢM		32.69				35.46		



We Create Fortune

DIG	13.75	GIẢM	TĂNG	13.45	13.83	2.83%	BÁN	13.90	12.65	-1.08%	
DPM	13.35	GIẢM	GIẢM		13.93				15.13		
DRC	21.60	TĂNG	TĂNG	20.45	21.35	5.62%		21.60	19.76	0.00%	
DXG	15.15	TĂNG	TĂNG	16.15	14.32	-6.19%		15.50	12.29	-2.26%	
E1VFN30	14.70	TĂNG	GIẢM	14.62	14.67	0.55%			15.16		
FCN	11.85	GIẢM	GIẢM		12.49				13.62		
FLC	3.61	GIẢM	GIẢM		3.79				4.27		
FTM	7.05	GIẢM	GIẢM		9.09				15.81		
GEG	27.00	TĂNG	TĂNG	22.80	26.63	18.42%		12.90	23.98	109.30%	
GEX	21.00	TĂNG	TĂNG	22.20	20.19	-5.41%		20.20	18.55	3.96%	
GMD	27.80	TĂNG	TĂNG	26.55	27.45	4.71%		28.50	25.99	-2.46%	
GTN	20.00	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	6.38%		15.00	16.84	33.33%	
GVR	13.50	GIẢM	#N/A		15.43			-	#N/A		
HAG	4.79	GIẢM	GIẢM		4.98				5.46		
HBC	13.25	GIẢM	GIẢM	14.25	13.27	-6.90%	BÁN		15.60		
HCM	20.90	GIẢM	GIẢM		21.55				23.15		
HDG	34.30	GIẢM	TĂNG		36.08			35.30	32.61	-2.83%	
HPX	26.40	TĂNG	#N/A	26.60	26.06	-0.75%		-	#N/A		
HSG	6.63	GIẢM	GIẢM		6.94				7.74		
HT1	15.50	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70		
IBC	20.40	GIẢM	TĂNG		20.84			24.90	20.15	-18.07%	
IDI	5.96	GIẢM	GIẢM		6.30				7.19		
IJC	15.00	GIẢM	TĂNG		15.59			13.10	13.12	14.50%	
ITA	3.20	GIẢM	TĂNG		3.46			3.20	2.96	0.00%	
KBC	15.45	TĂNG	TĂNG	16.00	15.39	-3.44%		15.35	14.37	0.65%	
KSB	22.15	GIẢM	TĂNG		23.70			23.90	21.11	-7.32%	
LDG	10.10	TĂNG	TĂNG	8.18	9.07	23.47%		9.89	9.15	2.12%	MUA
LPB	7.50	GIẢM	GIẢM		7.84				8.33		
MBS	15.10	GIẢM	TĂNG		15.90			16.00	14.25	-5.63%	
MPC	28.60	GIẢM	GIẢM		30.41				36.71		
NBB	19.50	GIẢM	TĂNG		20.96			21.50	19.30	-9.30%	
NKG	5.97	GIẢM	GIẢM		6.37				6.85		
NLG	28.00	GIẢM	TĂNG		29.07			28.70	26.73	-2.44%	
NT2	25.30	TĂNG	GIẢM	25.10	24.87	0.80%			26.43		
NTC	159.00	GIẢM	GIẢM		180.05			120.00	162.94	35.79%	
NTL	21.95	GIẢM	GIẢM		24.09			9.33	23.02	146.69%	
NVB	7.10	GIẢM	GIẢM		7.53				8.41		
OGC	3.84	GIẢM	GIẢM		4.04				4.52		

We Create Fortune

PC1	19.35	TĂNG	TĂNG	17.45	17.87	10.89%		19.30	18.38	0.26%	MUA
PDR	26.30	GIẢM	TĂNG		26.78			23.60	25.01	11.46%	
PHR	55.00	GIẢM	GIẢM		65.69			22.86	64.76	183.25%	
PPC	25.35	GIẢM	GIẢM		26.44				29.10		
PTB	68.60	GIẢM	TĂNG		71.46			60.78	64.57	12.87%	
PVD	17.80	TĂNG	TĂNG	16.35	17.66	8.87%		18.10	15.86	-1.66%	
PVI	33.20	GIẢM	GIẢM		35.88				39.70		
PVT	17.90	GIẢM	TĂNG		18.14			18.30	16.28	-2.19%	
QCG	4.61	GIẢM	GIẢM		4.92				5.28		
SAM	7.80	GIẢM	TĂNG		7.95			7.40	7.69	5.41%	
SBT	16.85	TĂNG	GIẢM	16.50	16.13	2.12%			17.18		
SCR	6.61	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-4.48%			7.11		
SHB	6.20	GIẢM	GIẢM		6.45				6.86		
SHS	7.10	GIẢM	GIẢM		7.88				9.02		
SJS	17.30	TĂNG	GIẢM	18.35	17.24	-5.72%			19.89		
STK	21.50	TĂNG	GIẢM	22.10	20.48	-2.71%			24.36		
SZC	18.60	GIẢM	#N/A		21.74			-	#N/A		
TCH	22.65	TĂNG	TĂNG	22.05	21.73	2.72%		22.50	20.14	0.67%	
TCM	21.40	GIẢM	GIẢM		23.05				27.50		
TNG	17.90	GIẢM	GIẢM		19.02				21.22		
TTB	24.10	GIẢM	TĂNG		24.52			24.50	22.71	-1.63%	
VCI	31.80	GIẢM	TĂNG		34.32			36.00	30.78	-11.67%	
VGT	8.70	GIẢM	GIẢM		9.07				9.96		
VHC	80.80	TĂNG	GIẢM	80.80	80.54	0.00%	MUA		88.18		
VND	13.80	GIẢM	GIẢM		14.07				15.52		
VNG	20.95	TĂNG	TĂNG	19.10	20.34	9.69%		20.20	18.34	3.71%	
VPI	41.55	TĂNG	TĂNG	42.20	40.42	-1.54%		41.30	39.27	0.61%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	10.40	GIẢM	#N/A		11.33			16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.90	GIẢM	TĂNG		5.19			3.99	4.34	22.81%	
AMD	1.55	GIẢM	GIẢM		1.63				1.89		
APG	8.74	GIẢM	TĂNG		9.29			9.90	7.90	-11.72%	
ART	1.80	GIẢM	GIẢM		2.21				2.61		
BCC	7.50	TĂNG	GIẢM	8.10	7.46	-7.41%			8.95		

We Create Fortune

BCG	8.31	TĂNG	TĂNG	5.82	7.56	42.78%		6.39	6.55	30.05%	
C69	26.70	TĂNG	TĂNG	18.30	20.11	45.90%		5.30	14.07	403.77%	
CCL	8.85	TĂNG	TĂNG	6.38	8.50	38.71%		3.46	7.33	155.78%	
CRC	17.60	TĂNG	TĂNG	18.30	16.70	-3.83%		18.90	15.04	-6.88%	
CVT	20.40	GIẢM	TĂNG		20.94			20.35	18.94	0.25%	
DAG	6.90	TĂNG	TĂNG	6.55	6.78	5.34%		7.09	6.22	-2.68%	
DAH	10.05	GIẢM	GIẢM		11.22				13.48		
DGW	23.55	GIẢM	TĂNG		24.26			23.50	21.45	0.21%	
DLG	1.57	GIẢM	GIẢM		1.60				1.65		
DRH	7.24	GIẢM	GIẢM		7.69				7.76		
DTD	16.00	GIẢM	TĂNG		17.78			12.90	14.20	24.03%	
EVG	2.62	TĂNG	GIẢM	2.80	2.58	-6.43%			3.02		
FIT	3.40	GIẢM	TĂNG		3.58			3.64	3.03	-6.59%	
GKM	15.10	TĂNG	GIẢM	15.00	14.73	0.67%			15.54		
HAH	15.20	TĂNG	TĂNG	12.80	14.65	18.75%		13.00	13.48	16.92%	
HAI	1.63	GIẢM	GIẢM		1.72				1.93		
HAP	3.40	GIẢM	TĂNG		3.45			3.67	3.25	-7.36%	
HAR	3.65	TĂNG	GIẢM	3.56	3.50	2.53%			3.88		
HCD	3.38	GIẢM	GIẢM		3.67				4.07		
HDA	10.40	GIẢM	GIẢM		11.32				13.28		
HDC	21.25	GIẢM	TĂNG		22.01			15.25	18.89	39.34%	
HHP	11.80	GIẢM	GIẢM		12.11				13.73		
HHS	2.85	GIẢM	GIẢM		3.03				3.31		
HII	11.10	GIẢM	GIẢM		11.75				12.29		
HQC	1.35	GIẢM	GIẢM		1.38				1.45		
HSL	9.05	TĂNG	GIẢM	8.10	8.61	11.73%			9.33		
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-4.17%			2.83		
HVG	2.94	GIẢM	GIẢM		3.09				3.75		
HVH	20.50	GIẢM	#N/A		22.53				#N/A		
JVC	3.04	TĂNG	TĂNG	2.76	2.96	10.14%		3.10	2.68	-1.94%	
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.37				1.49		
KMR	2.58	GIẢM	GIẢM		2.72				3.12		
LCG	9.30	TĂNG	GIẢM	9.60	9.10	-3.12%			10.55		
LGL	10.05	GIẢM	TĂNG		10.78			7.11	9.25	41.29%	
LHG	17.70	GIẢM	TĂNG		18.57			19.30	17.32	-8.29%	
LMH	16.50	GIẢM	#N/A		17.27			-	#N/A		
MST	3.00	TĂNG	GIẢM	2.80	2.83	7.14%			3.16		
NDN	16.80	GIẢM	TĂNG		17.90			13.10	16.27	28.20%	
PHC	12.50	GIẢM	GIẢM		12.70				13.54		



We Create Fortune

PVB	20.60	GIẢM	TĂNG		21.49			20.10	19.27	2.49%	
PVC	7.00	GIẢM	TĂNG		7.39			7.10	6.67	-1.41%	
PXL	5.50	GIẢM	GIẢM		6.29				6.65		
PXS	5.01	GIẢM	GIẢM		5.59				6.76		
QBS	2.95	GIẢM	GIẢM		3.20				3.36		
SFG	8.10	GIẢM	GIẢM		8.61				10.80		
SHI	9.40	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	12.04%		6.23	8.04	50.82%	
SJF	2.53	GIẢM	GIẢM		2.83				3.62		
SKG	11.30	GIẢM	GIẢM		11.65				12.51		
TDH	9.78	TĂNG	TĂNG	9.40	9.67	4.04%		10.15	8.93	-3.65%	
TIG	3.20	TĂNG	TĂNG	3.40	3.02	-5.88%		3.20	3.03	0.00%	
TLD	6.03	TĂNG	TĂNG	5.35	5.63	12.71%		5.99	4.78	0.67%	
TLH	4.61	TĂNG	GIẢM	4.70	4.49	-1.91%			5.13		
TNI	10.10	GIẢM	GIẢM		10.46				11.74		
TTF	2.93	GIẢM	GIẢM		3.07				3.57		
TTH	3.00	GIẢM	GIẢM		3.19				3.39		
TVB	16.30	GIẢM	GIẢM		17.32				19.51		
TVC	16.20	GIẢM	TĂNG		17.08			14.30	14.26	13.29%	
VC3	22.60	GIẢM	TĂNG		23.03			22.00	21.35	2.73%	
VCR	22.60	TĂNG	GIẢM	20.50	21.62	10.24%			25.98		
VNE	3.10	TĂNG	GIẢM	3.35	3.07	-7.46%			3.70		
VPG	21.80	TĂNG	TĂNG	21.40	21.19	1.87%		20.46	19.34	6.57%	
VRC	15.50	TĂNG	GIẢM	15.40	15.42	0.65%			16.26		
YBM	9.76	GIẢM	GIẢM		10.25				11.71		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	974.12	0.00%
VN30	885.61	-0.04%
VN Mid	955.67	-0.24%
VN Small	803.45	-0.70%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	100.85	-0.07%
HN30	183.42	-0.49%
VNX AllSh	860.45	-0.01%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.49	-0.48%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	565.6	
Bán	204.86	
GT ròng	360.74	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1.01	
Bán	9.79	
GT ròng	-8.78	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	31.64	
Bán	20.73	
GT ròng	10.91	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	4500	6.92%
GTN	1050	5.54%
IJC	450	3.09%
DHC	950	3.06%
TCH	600	2.72%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
AMV	300	1.60%
TNG	200	1.13%
VCS	900	1.07%
VC3	100	0.44%
VCR	100	0.44%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HTM	1900	12.42%
MSR	500	3.07%
VTP	700	0.54%
MPC	100	0.35%
BCM	100	0.31%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SZL	-3800	-6.99%
D2D	-5000	-6.94%
DVP	-3200	-6.94%
PHR	-4100	-6.94%
SZC	-1200	-6.06%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NDN	-500	-2.89%
SHS	-200	-2.74%
L14	-1500	-2.52%
PVI	-600	-1.78%
PVS	-300	-1.46%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTR	-5100	-11.75%
C4G	-600	-7.79%
VGI	-2300	-7.06%
NHH	-2000	-6.90%
NTC	-9200	-5.47%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	405,193	
VHM	297,437	
VCB	286,696	
VNM	213,841	
GAS	192,926	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	35,507	
VCS	13,156	
VCG	11,661	
PVS	9,798	
PVI	7,811	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	174,030	
VGI	99,082	
VEA	68,928	
GVR	56,688	
MCH	50,946	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	26,669,680	20,740,218
TCB	17,082,060	2,197,618
ITA	6,678,560	6,792,119
SCR	4,586,590	3,455,050
HPG	4,038,180	5,841,249

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	4,150,473	3,165,610
PVS	2,523,461	2,348,769
ART	2,069,100	561,299
VCG	1,645,900	502,085
PGS	948,200	134,088

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VGI	772,187	746,138
GVR	761,807	1,349,473
BSR	665,714	1,320,003
GEG	644,813	989,474
HTM	506,427	441,079

Nguồn: Bloomberg & YSVN

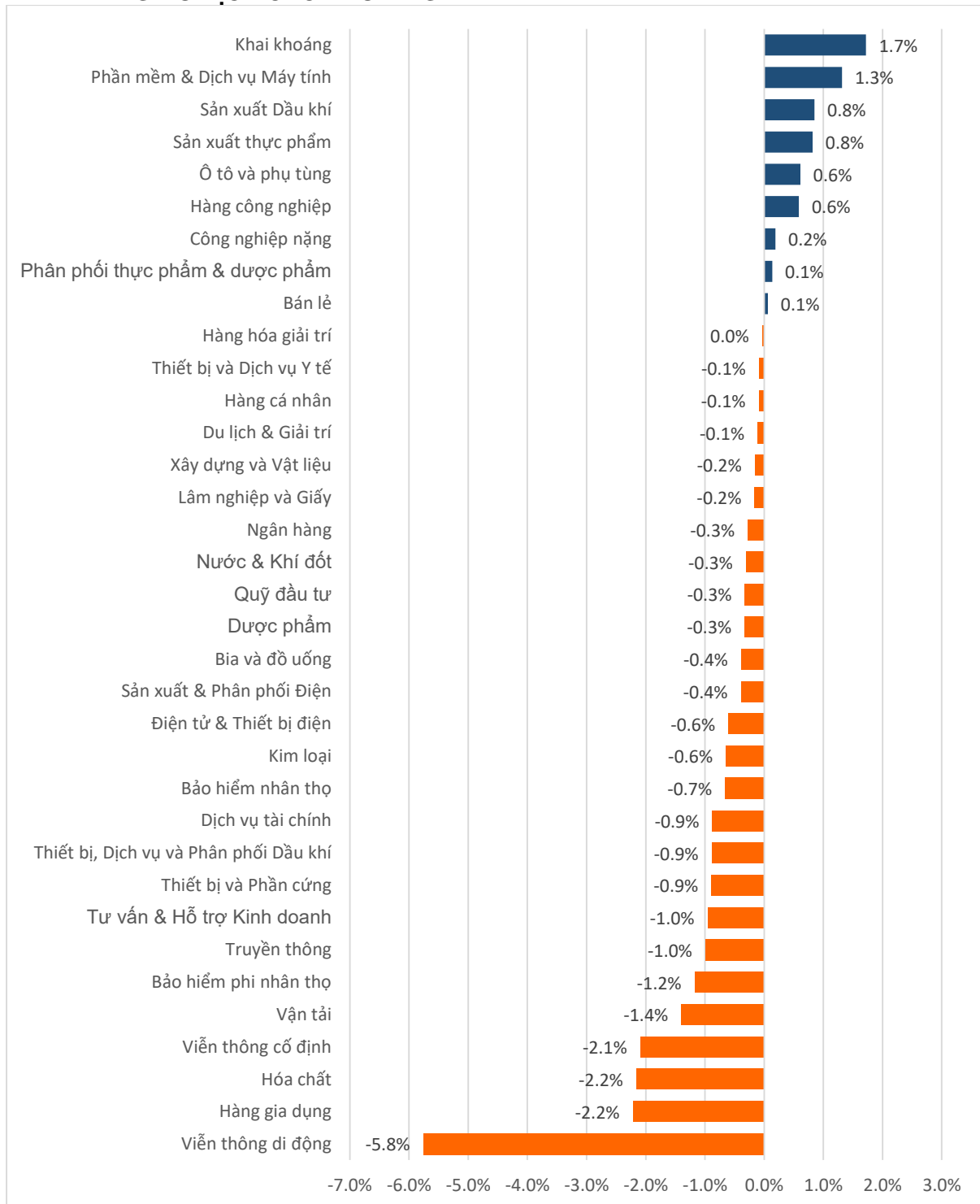
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



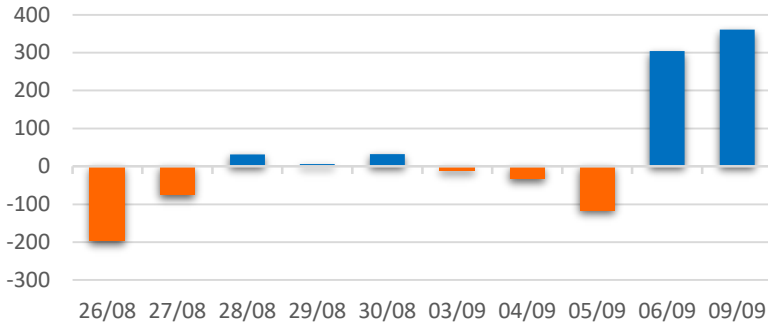
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

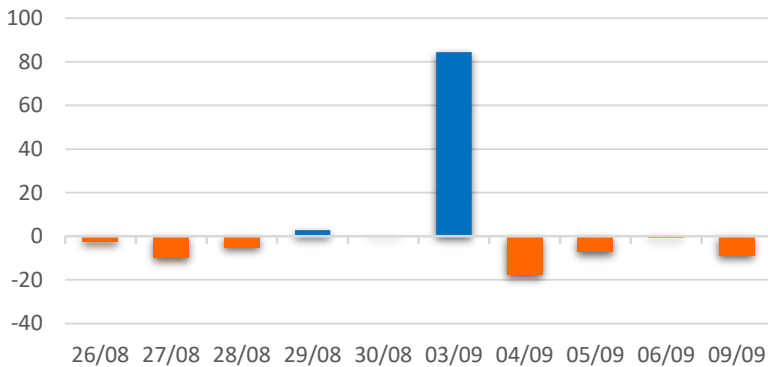
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VJC	356,420	HPG	18,261
GEX	16,077	MSN	11,152
PLX	15,982	TNA	5,893
VNM	11,674	VRE	5,093
VIC	6,321	VHM	3,863

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

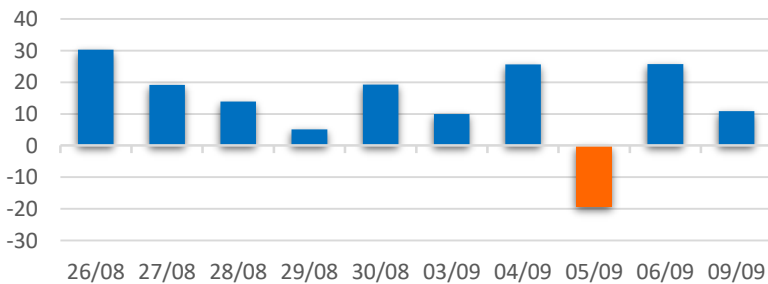
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVI	101	PVS	6,920
VCS	59	NET	574
AMV	34	PIA	397
MST	26	SRA	341
DP3	25	SHS	258

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	8,926	ACV	7,693
MCH	4,016	BSR	447
VTP	3,650	IDC	386
VEA	1,849	OIL	277
BCM	330	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



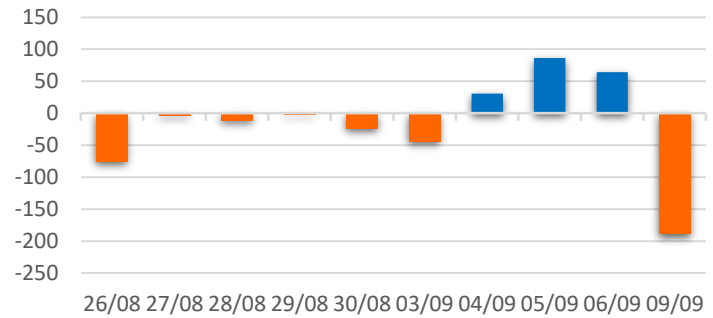
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

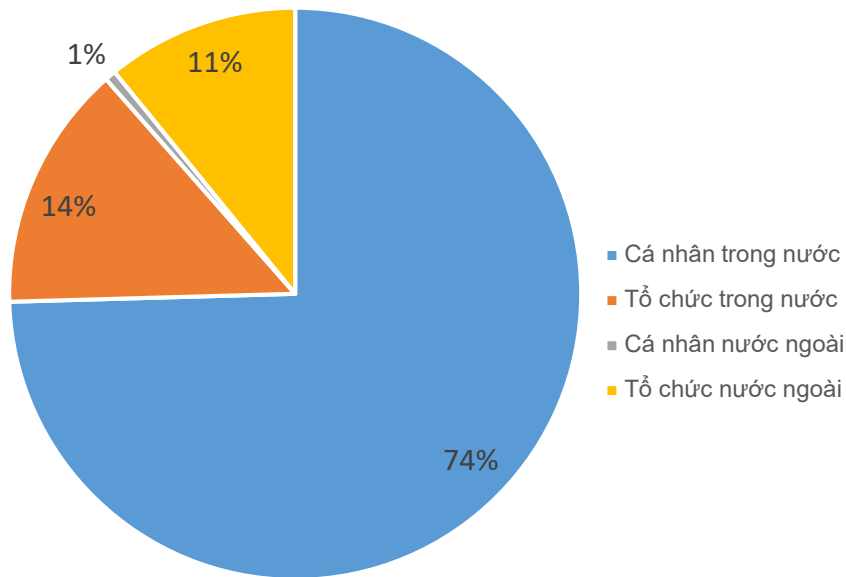
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	10,745	FPT	23,124
TDC	10,264	MBB	13,780
VJC	6,493	PNJ	9,253
MBB	3,843	HPG	6,168
REE	2,119	MWG	3,868

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

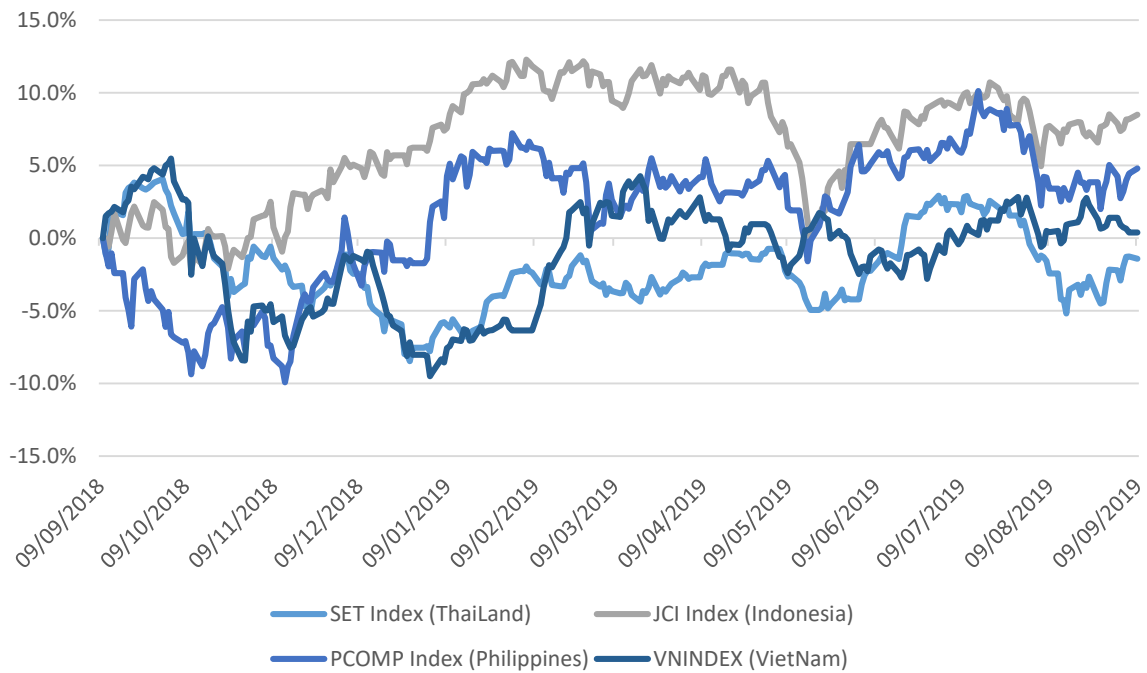


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

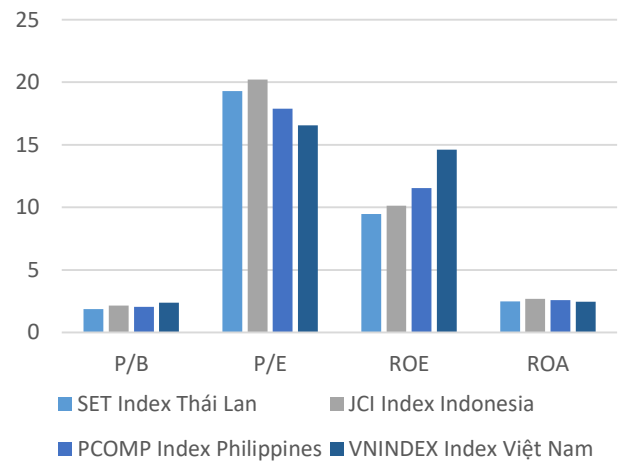
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.2x	2.1x	2.4x
P/E		19.3x	20.2x	17.9x	16.6x
ROE	%	9.47	10.13	11.54	14.61
ROA	%	2.49	2.67	2.59	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	561.40	517.52	191.22	141.95
GTGD	Triệu USD	1.30	0.48	0.08	0.09
LS cổ tức	%	3.04	2.43	1.64	1.81

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

**Đặng Phi Phôn**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Qué**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written